

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DAP SỐ 2 – VINACHEM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2063/DAP2-KTh

Lào Cai, ngày 26 tháng 10 năm 2026

V/v Báo giá cạnh tranh cung cấp dịch
vụ quan trắc môi trường đợt 4 năm
2026 và năm 2027

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường.

Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem có nhu cầu lựa chọn đơn vị đủ điều kiện, năng lực để thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ đợt IV năm 2026 và năm 2027. Công ty trân trọng kính mời Quý đơn vị quan tâm tham gia chào báo giá với các nội dung sau:

1. Hạng mục công việc:

Quan trắc định kỳ đợt IV năm 2026: 01 đợt; năm 2027: 04 đợt (01 đợt/quý), tổng cộng 05 đợt. Vị trí, chỉ tiêu và tần suất theo chương trình quan trắc đính kèm.

2. Nội dung và yêu cầu báo giá:

2.1. Hồ sơ và nội dung chào giá

- Báo giá chi tiết theo vị trí, thông số; thể hiện đơn giá và thành tiền cho 05 đợt (01 đợt IV/2026, 04 đợt năm 2027), tổng giá trị; tách rõ thuế GTGT, chi phí lấy mẫu, vận chuyển, phân tích, lập báo cáo và chi phí khác (nếu có).

- Thời hạn của báo giá: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày mở thư chào giá.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

- Địa điểm thực hiện công việc: Tại Nhà máy DAP số 2 – Vinachem – KCN Tầng Loỏng, Xã Tầng Loỏng, Tỉnh Lào Cai.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán theo trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành thực tế trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu công việc và hoàn tất các thủ tục thanh toán kèm theo.

- Hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Giấy tờ kèm theo: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Hồ sơ chứng minh đã tự công bố năng lực, phạm vi hoạt động và gửi văn bản thông báo tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc có Giấy chứng nhận VIMCERTS còn hiệu lực theo quy định chuyển tiếp.

2.2. Hình thức và thời gian gửi thư báo giá:

- Đề nghị quý Công ty gửi thư báo giá bằng bản cứng (bản gốc, bản in màu, bản sao y,...) vào phong bì kín có niêm phong và gửi trực tiếp cho Công ty chúng tôi theo địa chỉ: Phòng Kỹ thuật, Công ty CP DAP số 2 - Vinachem – Thôn Trung Tâm, xã Tầng Loỏng, tỉnh Lào Cai, bên ngoài bì thư ghi rõ: “Báo giá cạnh tranh cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường đợt 4 năm 2026 và năm 2027”. Các hình thức chào giá khác qua fax, thư điện tử theo địa chỉ vanthu.dap2@gmail.com đến trước thời hạn nhận thư chào giá dưới đây vẫn được chấp nhận.

- Thời gian nhận báo giá chậm nhất là 15 giờ 15 phút ngày 9.. tháng 11 năm 2026. Các báo giá đến sau thời điểm trên sẽ được trả lại nguyên trạng.

2.3. Thời gian mở thư báo giá: Công ty sẽ mở thư báo giá công khai tại văn phòng Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 9.. tháng 11 năm 2026. Khách hàng tham gia báo giá có thể tham dự buổi mở thư báo giá.

3. Lựa chọn Nhà cung cấp:

Chúng tôi cam kết bảo mật các thông tin trong Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp trước giờ mở Hồ sơ chào giá. Lựa chọn NCC theo tiêu chí:

- Chào đúng và đủ số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu.
- Đáp ứng yêu cầu báo giá.
- Tổng giá trị gói chào thấp nhất.

Mọi thông tin xin liên hệ với phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem. Điện thoại: 02143.767.048, Fax: 02143.767.047./.

Rất mong sự quan tâm hợp tác của Quý Công ty !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KTh;
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Vũ Việt Tiến

3002
CÔN
CỔ P
DAP
/INAC
INH LÃ

PHỤ LỤC: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

1.1. Quan trắc môi trường nước thải

1.1.1. Quan trắc chất lượng nước thải công nghiệp

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng
- Vị trí quan trắc: Điểm xả trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tăng Loỏng.
- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, chất rắn lơ lửng (TSS), chất rắn hòa tan (TDS), amoni (NH₄⁺), nitrat (NO₃⁻), sunfua (tính theo H₂S), photphat (PO₄³⁻) (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: Giấy phép môi trường của cơ sở “KCN Tăng Loỏng” số 493/GPMT-BNNMT ngày 14/11/2025 do Bộ NNMT cấp.

1.1.2. Quan trắc chất lượng nước dưới đất

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Vị trí quan trắc: 01 giếng tại Hồ thu 151
- Thông số quan trắc: pH, độ cứng (CaCO₃), COD, TDS, As, Cd, Pb, Hg, Cu, Fe, F⁻, Amoni (NH₄⁺), NO₃⁻, NO₂⁻, CN⁻, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

1.2.1. Quan trắc khí thải tại ống thải của Hệ thống xử lý khí thải công đoạn nấu chảy lưu huỳnh tại Xưởng SA

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi tổng, H₂S.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, hệ số Kp = 0,8, Kv = 1,0); QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B, hệ số Kp = 0,8, Kv = 1,0).

1.2.2. Quan trắc khí thải tại ống thải của Thiết bị xử lý hỗn hợp khí thải mù axit tại xưởng SA

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Thông số quan trắc: Mù axit H₂SO₄, SO₂, O₂ dư, Bụi tổng, Lưu lượng, Nhiệt độ, Áp suất.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, hệ số Kp = 0,8, Kv = 1,0); QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B, hệ số Kp = 0,8, Kv = 1,0).

1.2.3. Quan trắc khí thải tại ống thải của Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn chính sản xuất tại xưởng PA

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Thông số quan trắc: Bụi tổng và tổng Florua (F⁻), HF, Lưu lượng, Nhiệt độ, Áp suất.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, hệ số Kp = 0,8, Kv = 1,0); QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B, hệ số Kp = 0,8, Kv = 1,0).

1.2.4. Quan trắc khí thải tại ống thải của Hệ thống xử lý khí thải từ thiết bị làm lạnh nhanh tại Xưởng PA

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, HF, Bụi tổng, Tổng florua (F^-).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$); QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$).

1.2.5. *Quan trắc khí thải tại ống thải của Hệ thống xử lý khí thải từ thiết bị lọc chân không tại Xưởng PA*

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, HF, Bụi tổng, Tổng florua (F^-).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$); QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$).

1.2.6. *Quan trắc khí thải tại ống thải của Hệ thống xử lý khí thải từ thiết bị cô đặc số 01 tại Xưởng PA*

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, HF, Bụi tổng, Tổng florua (F^-).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$); QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$).

1.2.7. *Quan trắc khí thải tại ống thải của Hệ thống xử lý khí thải từ thiết bị cô đặc số 02 tại Xưởng PA*

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, HF, Bụi tổng, Tổng florua (F^-).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$); QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$).

1.2.8. *Quan trắc khí thải tại ống thải của Hệ thống xử lý khí thải công suất 250.000 m^3/h tại xưởng DAP*

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Thông số quan trắc: Tổng Florua (F^-), HF.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$); QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$).

1.2.9. *Quan trắc khí thải tại ống thải của Thiết bị xử lý khí thải công suất 6.400 $m^3/giờ$ tại kho DAP rời*

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$); QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$).

1.2.10. *Quan trắc khí thải tại ống thải của Thiết bị xử lý khí thải công suất 6.400 $m^3/giờ$ tại Nhà đóng bao và kho bao DAP*

596
TY
AN
52
IEM
CA

- Tần suất quan trắc: 01 lần/3 tháng.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$); QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (cột B, hệ số $K_p = 0,8$, $K_v = 1,0$).

1.2. Giám sát chất lượng bã thải Gyps

- Tần suất giám sát: 01 lần/3 tháng.
- Thông số giám sát: pH, Ag, Be, Ba, Zn, Sb, Ni, Cr (VI), Cd, As, Hg, Flo.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 07:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

1.3. Giám sát chất lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp

- Tần suất giám sát: 01 lần/3 tháng.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực máy ép bùn Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp.
- Thông số giám sát: pH, Asen (As), Bari (Ba), Bạc (Ag), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Coban (Co), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Selen (Se), Hg, Cr^{6+} , Tổng dầu, Phenol, Benzen, Toluene, Clobenzen, Naptalen, Tổng Xyanua (CN^-).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 07:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

1.4. Chương trình quan trắc giám sát môi trường định kỳ chất lượng bã lọc lưu huỳnh

- Tần suất giám sát: 01 lần/3 tháng.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại Kho lưu chứa tạm thời bã lọc lưu huỳnh thuộc Xưởng Axit Sunfuric (Xưởng SA)
- Thông số giám sát:
 - + Tính chất nguy hại lý - hóa: pH (tính ăn mòn), Điểm chớp cháy/Tính dễ cháy,
 - + Kim loại nặng độc hại: Asen (As), Bạc (Ag), Bari (Ba), Beri (Be), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Niken (Ni), Kẽm (Zn), Crom tổng số, Crom (Cr^{6+}), Antimon (Sb), Selen (Se).
 - + Hợp chất vô cơ & thành phần đặc trưng: Sunfua (S^{2-}), Hàm lượng Lưu huỳnh tổng số (S), Tổng dầu mỡ khoáng
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 07:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (đánh giá đối chiếu theo cả hai giá trị: Hàm lượng tuyệt đối H_{tc} và Nồng độ ngâm chiết C_{tc}).